

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**  
**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

*Thư ký phiên họp:* Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 313/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 176/2025/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Lê Thị Bạch M, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Tổ A, khóm V, phường C, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Thái N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ G, ấp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là 118 Tổ G, khu phố B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Giấy ủy quyền ngày 17/6/2025). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH K; Địa chỉ: Lô N V phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Công ty TNHH T; địa chỉ: Lô A, 0 V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Thảo L, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà C đường T, khóm V, phường C, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L1; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, bản tự khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Bạch M trình bày:*

Khoảng tháng 12 năm 2009 bà M có cho em gái là bà Lê Thị Thảo L mượn giấy chứng minh nhân dân của bà M để làm hồ sơ xin việc làm do thời điểm đó bà L chưa đủ tuổi lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tháng 12/2009 đến tháng 03/2010 bà L đã vào làm việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T, sau

khi ký hợp đồng bà L là người trực tiếp làm việc, Công ty TNHH T có đóng bảo hiểm xã hội cho bà L theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7409322310.

Tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 bà L đã vào làm việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K, sau khi ký hợp đồng thì bà L là người trực tiếp làm việc, Công ty TNHH K có đóng bảo hiểm xã hội cho bà L theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410083799.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 4/2010, bà M đang làm việc ở Công ty TNHH C và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với tên Lê Thị Bạch M theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7509008528. Nay bà M giải quyết chế độ bảo hiểm để chuyển sổ bảo hiểm xã hội về nơi làm việc ở An Giang thì mới biết việc bị trùng thời gian đóng bảo hiểm với nhiều sổ bảo hiểm khác nhau.

Do đó bà M yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng lao động được ký kết giữ người lao động có tên là Lê Thị Bạch M (do Lê Thị Thảo L là người ký kết và trực tiếp lao động) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ 12 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010 là vô hiệu (mã số BHXH 7409322310); Yêu cầu tuyên hủy hợp đồng lao động được ký kết giữ người lao động có tên là Lê Thị Bạch M (do Lê Thị Thảo L là người ký kết và trực tiếp lao động) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2010 là vô hiệu (mã số BHXH 7410083799);

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thảo L trình bày:*

Do hoàn cảnh khó khăn nên bà L nghỉ học và muốn đi làm thêm để phụ giúp kinh tế cho gia đình, tuy nhiên bà L mới 16 tuổi nên nhiều nơi không nhận vào làm việc. Do đó, bà L mượn giấy chứng minh nhân dân của chị gái là bà Lê Thị Bạch M để xin việc. Khoảng tháng 12/2009, Công ty TNHH T nhận bà vào làm việc, ký hợp đồng lao động và Công ty T1 cho bà với số 7409322310, đến tháng 3/2010 bà L xin nghỉ việc.

Vào tháng 01/2010, Công ty TNHH K chấp nhận hồ sơ xin việc của bà L và nhận bà vào làm việc, có ký hợp đồng lao động và được tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7410083799, tháng 02/2010 bà L xin nghỉ việc. Do thời gian nghỉ việc ở 02 công ty đã lâu, bà L không còn giữ các hợp đồng lao động.

Qua yêu cầu của bà Lê Thị Bạch M về việc tuyên hủy hợp đồng lao động trong khoảng thời gian nêu trên giữa bà L (trên giấy tờ tên bà Lê Thị Bạch M) với Công ty TNHH T, Công ty TNHH K vô hiệu, bà L đồng ý và không có yêu cầu gì khác.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T, Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị Bạch M (do bà L là người ký kết) từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010; của Công ty TNHH K, Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị Bạch M (do bà L là người ký kết) từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2010. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà M, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà M, Bảo hiểm xã hội không có ý kiến.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH T, Công ty TNHH K: Quá trình tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập Công ty TNHH T và Công ty TNHH K để làm việc, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động, công ty V

không có lý do và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của bà Lê Thị Bạch M.

*Tại phiên họp:*

- *Đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu:* vẫn giữ các ý kiến và yêu cầu đã trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, Bảo hiểm xã hội chấp hành đúng quy định; Công ty TNHH T, Công ty TNHH K không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà M là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T, Công ty TNHH K đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu, bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Trong thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 03/2010, giữa người lao động có tên Lê Thị Bạch M và Công ty TNHH T có ký hợp đồng lao động, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409322310; và trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 2/2010, giữa người lao động Lê Thị Bạch M và Công ty TNHH K có ký hợp đồng lao động, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410083799.

Tuy nhiên, người thực tế làm việc trong 02 khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 03/2010 và từ tháng 01 đến tháng 2/2010 theo hợp đồng lao động là bà Lê Thị Thảo L, do bà L mượn giấy tờ của bà M để giao kết hợp đồng lao động và làm việc. Trong khoảng thời gian này, bà M làm việc tại Công ty TNHH C và có tham gia bảo hiểm xã hội số 7509008528.

Như vậy, việc bà L dùng giấy tờ cá nhân của bà M để giao kết hợp đồng lao động vi phạm các quy định trong xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà M bị trùng từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010.

Do đó, bà M yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động Lê Thị Bạch M, và Công ty TNHH T, Công ty TNHH K vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Lê Thị Bạch M chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị Bạch M.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa tên bà Lê Thị Bạch M và Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010; Hợp đồng lao động giao kết giữa tên bà Lê Thị Bạch M với Công ty TNHH K trong thời gian từ tháng 01/2010 đến tháng 2/2010 là vô hiệu.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động bà Lê Thị Bạch M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0015949 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ra quyết định; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16-TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN HOẠP**

**Trần Thị Hoa H**